

*

Cao Bằng, ngày 03 tháng 12 năm 2024

ĐIỂM VÀ XẾP LOẠI RÈN LUYỆN
LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ KHÓA 23

Hệ đào tạo: Tập trung

Thời gian học từ ngày 01/12/2023 đến ngày 12/12/2024

STT	Họ và tên	Tính chuyên cần trong học tập (4,0 điểm)	Thực hiện quy chế QLĐT và nội quy nhà trường (4,0 điểm)	Tham gia hoạt động tập thể do trường, lớp tổ chức (2,0 điểm)	Tổng điểm	Xếp loại
1	Hoàng Thị Bạch	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
2	La Thị Biếc	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
3	Lục Thị Chinh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
4	Hoàng Văn Cương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
5	Hoàng Văn Dự	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
6	Hoàng Thị Duyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
7	La Thị Duyên	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
8	La Thị Duyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
9	Nông Thị Duyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
10	Lương Thị Gấm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
11	Nông Thị Hằng	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
12	Nông Thị Hành	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
13	Lương Thị Hạnh	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
14	Bế Thị Hào	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
15	Dương Thị Hào	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
16	Hoàng Đức Hiếu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
17	Ngân Thị Hòa	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
18	Lý Thị Hoài	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
19	Lương Thị Hợp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
20	Hoàng Văn Huân	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
21	Đàm Thị Huệ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
22	Hoàng Kim Huệ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
23	Nông Thị Hương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
24	Hứa Quốc Huy	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

25	Hoàng Bích Huyền	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
26	Hà Phúc Khải	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
27	Hoàng Thị Khâm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
28	Nông Đức Khánh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
29	La Đức Kiểm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
30	Hoàng Thị Kỳ	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
31	Sầm Thị Lanh	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
32	Đinh Thị Liên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
33	Nông Thị Liễu	4,00	3,00	1,50	8,50	Tốt
34	Nông Thị Luyến	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
35	Nông Thị Ly	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
36	Nông Thị Mận	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
37	La Thị Mây	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
38	Nguyễn Thị Minh Nghiệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
39	Lương Văn Ngu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
40	Thang Thị Nguyệt	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
41	Trần Đức Nhâm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
42	Hoàng Thị Nhung	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
43	Nông Thị Nhung	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
44	Ngân Thị Nương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
45	Ngô Thị Phương	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
46	Đàm Văn Quang	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
47	Mông Đình Quế	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
48	Chu Thị Quý	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
49	Hà Thị Quyền	4,00	3,00	2,00	9,00	Tốt
50	Lãnh Thị Minh Tâm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
51	Hoàng Văn Thái	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
52	Nông Thị Thắm	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
53	Bế Thị Thê	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
54	Hứa Văn Thiệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
55	Lục Văn Thiệp	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
56	Hoàng Văn Thóm	4,00	9,00	1,00	9,00	Tốt
57	Lục Thị Thu	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
58	Nông Văn Thương	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
59	Hứa Thị Thúy	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
60	Nông Ngọc Thủy	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
61	Triệu Thị Thủy	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

62	Nguyễn Ngọc Tịch	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
63	Lương Thị Tiên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
64	Nguyễn Quang Tiến	4,00	4,00	1,00	9,00	Tốt
65	Triệu Thị Tòn	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
66	Hoàng Minh Trọng	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
67	Hoàng Đức Trung	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
68	Đàm Thị Tuyên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
69	Vi Thị Viện	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
70	Hoàng Thị Yên	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt
71	Ngôn Hải Yến	4,00	3,00	1,00	8,00	Tốt

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QL ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG



Nông Văn Dũng



Đoàn Thị Vân Thúy




Trịnh Thị Ánh Hoa